TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10-3-2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đê

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mười

Ông Huỳnh Văn Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Minh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2020/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 02 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thu L, sinh năm 1968 (vắng mặt)
Địa chỉ: USA (Hoa Kỳ).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1977 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 02 năm 2020, nguyên đơn chị Huỳnh Thu L trình bày: Chị và anh Nguyễn Ngọc Đ kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau tại Việt Nam được một thời gian thì chị trở về Hoa Kỳ; anh Đ ở Việt Nam nhưng anh Đ không có chí thú làm ăn, ít liên lạc với chị. Đến năm 2016, chị trở về Việt Nam, trực tiếp gặp và khuyên anh Đ nhưng anh Đ không thay đổi tính nết, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn với nhau. Nay, chị cảm thấy không thể hàn gắn được quan hệ vợ chồng với anh Đ nên làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bị đơn anh Nguyễn Ngọc Đ trình bày: Anh thống nhất với nội dung đơn khởi kiện của chị Huỳnh Thu về thời gian đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị L và anh Đ kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay, chị L và anh Đ đều đồng ý ly hôn với nhau; không có con chung, tài sản chung và nợ chung. Cho nên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L, cho chị L ly hôn với anh Đ; không xem xét, giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Huỳnh Thu L và bị đơn anh Nguyễn Ngọc Đ đều làm đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt (BL 16, 28). Do đó, căn cứ vào Điều 238 và điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L và anh Đ.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy chị L và anh Đ kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh theo quy định của pháp luật Việt Nam. Nay, chị L và anh Đ đều thống nhất ly hôn với nhau. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L, cho chị L ly hôn với anh Đ.

[3] Về con chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L, cho chị L ly hôn với anh Đ; không xem xét, giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung, là có căn cứ.

[7] Về án phí: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định "Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn". Do đó, buộc chị Huỳnh Thu L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Huỳnh Thu L đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007545 ngày 11-02-2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 238, khoản 1 Điều 273, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của

Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56 và khoản 1 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Huỳnh Thu L.

1. Về hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thu L ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Đ.

2. Về con chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Huỳnh Thu L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Huỳnh Thu L đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007545 ngày 11-02-2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật, để đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Đê